

**BÁO CÁO NHANH**  
**Tình hình sản xuất nông nghiệp**  
(Đến ngày 05 tháng 4 năm 2022)

**1. Kết quả sản xuất chủ yếu**

**a) Sản xuất lúa**

- **Vụ Mùa 2021-2022:** Diện tích gieo trồng được **67.251 ha/60.670 ha**, đạt 110,84% kế hoạch. Thu hoạch dứt điểm **67.251 ha**, đạt 100% diện tích gieo trồng, năng suất thu hoạch bình quân ước đạt **5,38 tấn/ha**, sản lượng **361.796 tấn**, đạt 116,93% kế hoạch.

- **Vụ Đông Xuân 2021-2022:** Diện tích gieo trồng được **283.868 ha/283.000 ha**, đạt 100,31% kế hoạch. Đến nay đã thu hoạch được **268.982 ha**, đạt 94,76% diện tích gieo trồng, năng suất thu hoạch bình quân ước đạt **7,40 tấn/ha**, sản lượng **1.990.645 tấn**, đạt 95,01% kế hoạch.

- **Vụ Hè Thu 2022:** Đã gieo sạ được **70.634 ha/281.000 ha**, đạt 25,14% kế hoạch. Tập trung ở các huyện: Giang Thành 11.500 ha, Hòn Đất 3.220 ha, Châu Thành 2.500 ha, Tân Hiệp 20.305 ha, Giồng Riềng 33.059 ha và thành phố Rạch Giá 50 ha.

STT	Địa phương	Vụ Đông Xuân 2021-2022				Vụ Mùa 2021-2022			
		Kế hoạch (ha)	DT gieo sạ (ha)	Thu hoạch		Kế hoạch (ha)	DT gieo sạ (ha)	Thu hoạch	
				DT (ha)	NS (tấn/ha)			DT (ha)	NS (tấn/ha)
01	Tp. Hà Tiên					570	629	629	3,54
02	Giang Thành	29.100	29.280	29.280	7,00	300	144,6	144,6	5,05
03	Kiên Lương	23.500	23.500	21.250	7,00				
04	Hòn Đất	79.384	80.000	70.699	7,35				
05	Tp. Rạch Giá	5.483	5.488	5.488	6,70				
06	Châu Thành	19.000	19.151	17.200	7,50				
07	Tân Hiệp	36.803	36.803	36.598	7,60				
08	Giồng Riềng	46.600	46.659	45.480	8,03				
09	Gò Quao	25.481	25.245	25.245	8,12	1.800	1.553	1.553	6,28
10	An Biên	7.439	7.439	7.439	5,90	17.500	18.808	18.808	5,70
11	An Minh					21.000	23.566	23.566	4,93
12	Vĩnh Thuận	3.800	3.818	3.818	5,68	10.000	13.915,9	13.915,9	5,67
13	UM.Thượng	6.410	6.485	6.485	5,80	9.500	8.634,5	8.634,5	5,43
<b>Tổng cộng</b>		<b>283.000</b>	<b>283.868</b>	<b>268.982</b>	<b>7,40</b>	<b>60.670</b>	<b>67.251</b>	<b>67.251</b>	<b>5,38</b>

**b) Sản xuất vụ nuôi tôm nước lợ năm 2022**

Đến nay đã thả nuôi được **126.901 ha/140.694 ha**, đạt 90,19% kế hoạch và tăng 9,60% so với cùng kỳ. Trong đó, diện tích nuôi tôm công nghiệp 1.305 ha (có 1.305 ha tôm thẻ chân



trắng); nuôi tôm quảng canh-quảng canh cải tiến 26.322 ha và nuôi tôm - lúa 99.273 ha. Sản lượng thu hoạch đến nay ước đạt **20.313 tấn**, đạt 18,7% kế hoạch và đạt 114,6% so cùng kỳ.

STT	Địa phương	Kế hoạch (ha)	Diện tích (ha)				Sản lượng thu hoạch (tấn)
			Tổng số	Trong đó			
				Nuôi CN	Tôm lúa	Tôm QCCT	
01	Tp. Hà Tiên	2.390	735	185		550	1.423
02	Kiên Lương	8.050	5.721	801	400	4.520	4.956
03	Giang Thành	3.350	3.140	135		3.005	1.055
04	Hòn Đất	4.970	2.942	170	1.542	1.230	1.152
05	An Biên	25.350	24.073		21.320	2.753	2.470
06	An Minh	53.850	49.793	14	41.050	8.729	4.178
07	Vĩnh Thuận	29.530	27.856		24.015	3.841	4.479
08	UM Thượng	9.250	8.943		8.943		535
09	Gò Quao	3.890	3.677		1.982	1.695	65
<b>Tổng cộng</b>		<b>140.630</b>	<b>126.901</b>	<b>1.305</b>	<b>99.273</b>	<b>26.322</b>	<b>20.313</b>

## 2. Tình hình sinh vật gây hại trên lúa

Hiện nay trà lúa vụ Đông Xuân chủ yếu ở giai đoạn thu hoạch, một phần diện tích còn lại trong giai đoạn chín. Vì vậy tình hình sinh vật gây hại đã giảm.

Vụ lúa Hè Thu 2022 chủ yếu tập trung ở giai đoạn sinh trưởng từ mạ đến đẻ nhánh. Các đối tượng dịch hại như: bọ trĩ, OBV, chuột, rầy nâu, muỗi hành, đạo ôn lá xuất hiện và gây hại rải rác.

## 3. Thông tin thị trường

- Lúa thường: 5.600-5.800đ
- Lúa CLC: 6.000-6.100đ
- Gạo thường: 11.500đ-12.000đ
- Gạo CLC: 14.000đ-15.000đ
- Heo hơi: 49.000-50.000đ
- Tôm sú (30c/kg): 220.000đ-225.000đ
- Tôm thẻ (100c/kg): 100.000-105.000đ
- Cá bớp: 120.000-130.000đ
- Urê: 19.500-19.800đ
- NPK (16-16-8): 22.400 đ
- NPK (20-20-15): 24.600 đ
- KCL: 14.600 đ - DAP: 26.000đ

### Nơi nhận:

- Cục trồng trọt (I+II), Vụ nuôi trồng TS;
- TT Tin học & Thống kê (Bộ NN);
- VP.TU, VP.UBND tỉnh;
- Cục Thống kê, Sở KH-ĐT, Sở Công Thương;
- BGĐ Sở;
- Phòng NN & PTNT, Kinh tế các huyện, Tp;
- Website Sở;
- Lưu: VT, KH-TC, hngoc.



Nguyễn Thị Hồng Liên